

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XIV

### Phẩm 20: PHẠM HẠNH 1

Này thiện nam! Sao gọi là Phạm hạnh của Đại Bồ-tát? Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, trụ ở bảy pháp thiện thì được đầy đủ phạm hạnh. Những gì là bảy? Một là biết pháp, hai là biết nghĩa, ba là biết thời, bốn là biết đủ, năm là tự biết, sáu là biết mọi người, bảy là biết tôn ti.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát biết pháp? Này thiện nam! Đại Bồ-tát này biết mười hai bộ loại kinh điển là: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ Ký, Da-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-mục-đà-na, Xà-đà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá.

Này thiện nam! Những gì gọi là kinh Tu-đa-la? Từ “Tôi nghe như vậy” cho đến “Hoan hỷ phụng hành”, tất cả như vậy gọi là kinh Tu-đa-la.

Những gì gọi là kinh Kỳ-dạ? Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: “Xưa Ta cùng các ông ngu si không trí tuệ, chẳng thể thấy bốn chân đế như thật. Vậy nên lưu chuyển lâu dài trong sinh tử, chìm đắm trong biển đại khổ. Những gì là Bốn chân đế? Khổ, tập, diệt, đạo. Như Phật ngày xưa vì các Tỳ-kheo nói khế kinh xong rồi. Bấy giờ lại có chúng sinh lợi căn, vì nghe pháp nên về sau đến chỗ Phật hỏi: “Như Lai vừa rồi nói việc gì?”. Phật biết rồi liền nhân vào nội dung kinh cũ mà dùng kệ tụng:

*Ta xưa cùng các ông  
Chẳng thấy bốn chân đế  
Nên mãi chuyển vần trong  
Bể khổ lớn sinh tử.*

*Nếu thấy bốn chân đế  
Thì được đoạn sinh tử  
Sinh tử đã hết rồi  
Lại chẳng thọ các hữu.*

Đó gọi là kinh Kỳ-dạ.

Sao gọi là kinh Thọ Ký? Như có kinh luật, khi Như Lai nói mà vì những hàng trời, người thọ ký làm Phật: “Này A-dật-đa! Đời vị lai có vị vua tên là Nhưưng Khư sẽ ở đời đó mà thành đạo Phật hiệu là Di-lặc”. Đó gọi là kinh Thọ Ký.

Sao gọi là kinh Già-đà? Trừ Tu-đa-la và các giới luật, ngoài ra còn có nói kệ bốn câu, như là:

*Chớ làm điều ác  
Làm các việc lành  
Giữ tâm trong sạch  
Là chư Phật dạy.*

Đó gọi là kinh Già-đà.

Sao gọi là kinh Ưu-đà-na? Như Phật sau giờ ngộ vào thiên định, vì các thiên chúng rộng nói pháp chính yếu. Khi ấy, các Tỳ-kheo đều nghĩ thế này: “Đức Như Lai hôm nay làm việc gì đây?”. Sáng sớm Đức Như Lai ra khỏi thiên định, không có người hỏi, dùng tha tâm trí, liền tự nói: “Này Tỳ-kheo! Các ông phải biết, tất cả chư Thiên thọ mạng rất dài. Này các Tỳ-kheo! Hay thay! Các ông vì người khác chẳng cầu lợi cho mình. Hay thay thiếu dục! Hay thay tri túc! Hay thay tịch tĩnh!”. Các kinh không ai hỏi mà Đức Phật tự nói như vậy thì đó gọi là kinh Ưu-đà-na.

Sao gọi là kinh Ni-đà-na? Như những kinh kệ mà nguyên nhân căn bản là Phật vì người khác diễn nói. Như ở nước Xá-vệ có một người đàn ông giăng lưới bắt chim, bắt được nhốt vào lồng, rồi tùy loài mà cho uống nước, lúa ăn v.v... rồi lại thả ra. Thế Tôn biết gốc ngọn nhân duyên ấy mà nói kệ:

*Chớ khinh ác nhỏ  
Là không tai ương*

*Giọt nước tuy nhỏ  
Dần đầy lu lớn.*

Đó gọi là kinh Ni-đà-na.

Sao gọi là kinh A-ba-đà-na? Như lời nói ví dụ trong giới luật thì đó là kinh A-ba-đà-na.

Sao gọi là kinh Y-đế-mục-đà-na? Như lời Đức Phật nói, các Tỳ-kheo nên biết, khi Ta ra đời thì lời nói của Ta gọi là khế kinh. Khi Đức Phật Cưu-lưu-tôn ra đời thì gọi là cam lồ cổ. Khi Đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni ra đời thì gọi là pháp cảnh. Khi Đức Phật Ca-diếp ra đời thì gọi là phân biệt không. Đó gọi là kinh Y-đế-mục-đà-na.

Sao gọi là kinh Xà-đà-già? Như Phật Thế Tôn, xưa làm Bồ-tát tu những hạnh khổ. Phật gọi: “Này Tỳ-kheo! Các ông nên biết, Ta ở đời quá khứ làm hươu, làm gấu, làm nai, làm thỏ, làm vua nước nhỏ, Chuyển luân Thánh vương, rồng, chim cánh vàng v.v... Khi hành đạo Bồ-tát, Ta đã có thể thọ thân hành những hạnh như vậy”. Đó gọi là kinh Xà-đà-già.

Sao gọi là kinh Tỳ-phật-lược? Đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Nghĩa kinh ấy rộng lớn giống như hư không. Đó gọi là kinh Tỳ-phật-lược.

Sao gọi là kinh Vị Tăng Hữu? Như khi Bồ-tát mới sinh ra, không có người phò trì, liền đi bảy bước, phóng ra ánh sáng lớn soi khắp mười phương. Cũng như việc con khỉ, tay bưng lọ đựng mật, dâng lên Như Lai. Cũng như chó cổ trắng ở bên Phật nghe pháp. Như ma Ba-tuần biến làm con trâu xanh đi vào chỗ bát sành, khiến cho những bát sành va chạm lẫn nhau mà không bị thương tổn. Như khi Phật mới sinh vào miếu thờ trời, khiến cho tượng trời kia đứng dậy, xuống làm lễ cung kính. Những kinh như vậy gọi là kinh Vị Tăng Hữu.

Sao gọi là kinh Ưu-ba-đề-xá? Theo các kinh mà Phật Thế Tôn đã nói, nếu tạo tác nghị luận, phân biệt, biện nói rộng rãi tướng mạo thì gọi là kinh Ưu-ba-đề-xá. Nếu Bồ-tát có thể rõ biết mười hai bộ loại kinh điển như vậy thì gọi là biết pháp.

Sao gọi là Đại Bồ-tát biết nghĩa? Nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả văn tự, ngôn ngữ mà hiểu biết rộng rãi ý nghĩa của chúng thì đó gọi là biết nghĩa.

Sao gọi là Đại Bồ-tát biết thời? Đây thiện nam! Bồ-tát giỏi biết trong lúc như vậy là có thể tu tịch tĩnh, trong lúc như vậy là có thể tu tinh tấn, trong lúc như vậy là có thể tu xả định, trong lúc như vậy là có thể cúng dường Phật, trong lúc như vậy là có thể cúng dường thầy, trong lúc như vậy là có thể tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Đó gọi là biết thời.

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát biết đủ? Đây thiện nam! Đại Bồ-tát biết đủ là biết đủ về ăn uống, thuốc men, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng, lặng thinh v.v... Đó gọi là biết đủ.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tự biết? Bồ-tát này tự biết ta có niềm tin như vậy, giới cấm như vậy, đa văn như vậy, xả như vậy, tuệ như vậy, đi, lại như vậy, chánh niệm như vậy, thiện hạnh như vậy, hỏi như vậy, đáp như vậy v.v... Đó gọi là tự biết.

Sao gọi là Đại Bồ-tát biết chúng? Đây thiện nam! Bồ-tát đó biết những chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn, họ đi, lại như vậy, ngồi, đứng dậy như vậy, nói pháp như vậy, hỏi, đáp như vậy. Đó gọi là biết chúng.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát biết tôn ti của người? Người có hai hạng, một là tín, hai là bất tín. Bồ-tát phải biết người tín là thiện, người bất tín là bất thiện. Lại nữa, tín có hai hạng: một là thường đến tăng viện, hai là chẳng đến. Bồ-tát nên biết, người thường đến tăng viện gọi là thiện, người chẳng đến tăng viện thì gọi là bất thiện. Người đến tăng viện lại có hai hạng: một là lễ bái, hai là chẳng lễ bái. Bồ-tát nên biết, người lễ bái gọi là thiện, người chẳng lễ bái thì gọi là bất thiện. Người lễ bái ấy lại có hai hạng: một là nghe pháp, hai là chẳng nghe pháp. Bồ-tát nên biết, người nghe pháp là thiện, người chẳng nghe pháp gọi là bất thiện. Người nghe pháp ấy lại có hai hạng: một là chí tâm nghe, hai là chẳng chí tâm nghe. Bồ-tát nên biết, người chí tâm nghe gọi là thiện, người chẳng chí tâm nghe gọi là bất thiện. Chí tâm nghe pháp lại có hai hạng:

một là tư duy về nghĩa, hai là chẳng tư duy về nghĩa. Bồ-tát nên biết, người suy nghĩ về nghĩa gọi là thiện, người chẳng suy nghĩ về nghĩa gọi là bất thiện. Người suy nghĩ về nghĩa lại có hai hạng, một là theo như lời nói tu hành, hai là chẳng theo như lời nói tu hành. Người theo như lời nói tu hành gọi là thiện, người chẳng theo như lời nói tu hành gọi là bất thiện. Người theo như lời nói tu hành lại có hai hạng: một là cầu Thanh văn, chẳng thể đem lại lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh khổ não; hai là hồi hướng về Đại thừa vô thượng đem lại lợi ích cho nhiều người, khiến cho họ được an lạc. Bồ-tát nên biết, người có thể tạo lợi ích cho nhiều người khiến cho họ được an lạc thì tối thượng, tối thiện. Nay thiện nam! Như trong các báu thì ngọc báu Như ý rất là thắng diệu, như trong các vị thì vị cam lồ là tối thượng. Như vậy Bồ-tát ở trong loài người, trời là tối thắng, tối thượng, chẳng thể ví dụ. Nay thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát trụ ở kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa, trụ bảy pháp thiện. Nếu Bồ-tát trụ ở bảy pháp thiện này rồi thì được đầy đủ phạm hạnh.

Lại nữa, nay thiện nam! Lại có phạm hạnh gọi là Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tu nhiều Từ có thể đoạn sân hận, tu tâm Bi thì cũng đoạn sân hận, thì sao nói bốn tâm vô lượng? Suy theo nghĩa mà nói thì lẽ ra có ba thôi. Thừa Thế Tôn! Từ có ba duyên, một là duyên chúng sinh, hai là duyên pháp, ba là duyên vô. Tâm Bi, Hỷ, Xả cũng như vậy. Nếu theo nghĩa này thì lẽ ra chỉ có ba, chẳng nên nói bốn. Duyên chúng sinh là duyên với năm ấm, nguyện ban cho họ niềm vui. Đó gọi là duyên chúng sinh. Duyên pháp là duyên với vật cần dùng của các chúng sinh để rồi ban cho họ. Đó gọi là duyên pháp. Duyên vô là duyên với Như Lai. Đó gọi là duyên vô. Từ là duyên nhiều với chúng sinh bản cùng mà Đại sư Như Lai vĩnh viễn lìa khỏi bản cùng, hưởng thụ đệ nhất lạc. Vậy nếu duyên chúng sinh thì chẳng duyên Phật, Pháp cũng như vậy. Do nghĩa này nên duyên Như Lai thì gọi là duyên vô. Thừa Thế Tôn! Đối tượng duyên của Từ là tất cả chúng sinh, như duyên với cha mẹ, vợ con, thân thuộc. Do nghĩa này nên gọi là duyên chúng sinh. Duyên pháp là

chẳng thấy cha mẹ, vợ con, thân thuộc, chỉ thấy tất cả pháp đều từ duyên sinh. Đó gọi là duyên pháp. Duyên vô là chẳng trụ ở tướng pháp và tướng chúng sinh. Vậy nên gọi là duyên vô. Tâm Bi, Hỷ, Xả cũng như vậy. Vậy nên có ba chẳng nên có bốn. Bạch Thế Tôn! Người có hai hạng: một là kiến hạnh, hai là ái hạnh. Người kiến hạnh tu nhiều Từ, Bi. Người ái hạnh tu nhiều Hỷ, Xả. Vậy nên có hai chẳng nên có bốn. Thưa Thế Tôn! Phạm vô lượng thì gọi là vô biên. Biên chẳng thể nắm bắt được nên gọi là vô lượng. Nếu vô lượng thì nên là một chẳng nên nói bốn. Nếu nói là bốn thì làm sao được vô lượng. Do đó nên là một, chẳng nên nói là bốn.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Chư Phật Như Lai vì những chúng sinh đã tuyên nói pháp chính yếu. Pháp ấy bí mật, khó có thể biết rõ. Hoặc vì chúng sinh nói một nhân duyên. Như nói: Những gì là một nhân duyên? Đó là nói tất cả pháp hữu vi. Này thiện nam! Hoặc nói hai thứ, nhân và quả; hoặc nói ba thứ là phiền não, nghiệp và khổ; hoặc nói bốn thứ là vô minh, các hành, sinh và lão tử; hoặc nói năm thứ là thọ, ái, thủ, hữu và sinh; hoặc nói sáu thứ là nhân quả ba đời; hoặc nói bảy thứ là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái và thủ; hoặc nói tám thứ là mười hai nhân duyên trừ đi vô minh, hành, sinh, lão tử, còn lại là tám pháp; hoặc nói chín thứ như trong Kinh Thành nói: Trừ vô minh, hành, thức, còn lại chín pháp; hoặc nói mười một thứ như trong kinh Tát-già-ni-kiền-tử nói trừ một pháp sinh, còn lại mười một pháp; hoặc có khi nói đủ mười hai nhân duyên, như ở thành Vương-xá, Phật vì Ca-diếp v.v... nói đủ mười hai nhân duyên, từ vô minh cho đến sinh, già, bệnh, chết. Này thiện nam! Như một nhân duyên, nhưng vì chúng sinh nên chư Phật phân biệt đủ thứ. Pháp môn vô lượng cũng như vậy. Này thiện nam! Do nghĩa này nên đối với những hành xứ bí mật thâm sâu của Như Lai chẳng nên sinh ra nghi hoặc. Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn có phương tiện lớn: Vô thường nói thường, thường nói vô thường; nói vui là khổ, nói khổ là vui; bất tịnh nói tịnh, tịnh nói bất tịnh; ngã nói vô ngã, vô ngã nói ngã; chẳng phải chúng sinh nói là chúng sinh, chúng sinh thật thì nói chẳng phải chúng sinh; chẳng phải vật nói là vật, vật nói là chẳng

phải vật; chẳng phải thật nói là thật, thật nói là chẳng phải thật; chẳng phải cảnh nói là cảnh, cảnh nói là chẳng phải cảnh; chẳng phải sinh nói là sinh, sinh nói là chẳng phải sinh cho đến vô minh nói là minh, minh nói là vô minh; sắc nói là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc nói là sắc; chẳng phải đạo nói là đạo, đạo nói là chẳng phải đạo. Đây thiện nam! Như Lai dùng vô lượng phương tiện như vậy, vì điều phục chúng sinh thì đâu phải là hư dối. Đây thiện nam! Hoặc có chúng sinh tham của cải thì đối với người ấy ta tự hóa thân mình làm vua Chuyển luân ở trong vô lượng năm, tùy theo sự cần dùng của người ấy mà cung cấp đủ thứ. Rồi sau đó Ta mới giáo hóa khiến cho người ấy an trụ vào Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có chúng sinh tham đắm năm dục thì ở trong vô lượng năm, Ta dùng năm dục vi diệu thỏa mãn lòng mong muốn của người ấy. Rồi sau đó Ta mới khuyến hóa khiến cho người ấy an trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có chúng sinh vinh hiển giàu sang thì Ta đối với người ấy ở trong vô lượng năm, nguyện làm người giúp việc, chạy theo cung cấp hầu hạ. Được lòng người ấy rồi, Ta liền khuyến hóa khiến cho người ấy an trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có chúng sinh tánh tình ngang ngược tự cho là phải cần có người quả trách, can gián thì Ta ở trong vô lượng trăm ngàn năm, dạy bảo, quả trách, can ngăn, dụ dỗ khiến cho lòng người ấy điều phục. Rồi sau đó Ta mới khuyên bảo khiến cho người ấy an trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Như Lai ở trong vô lượng năm dùng đủ thứ phương tiện như vậy khiến cho các chúng sinh an trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đâu phải là hư dối. Chư Phật Như Lai tuy ở trong các ác nhưng không bị nhiễm ô, giống như hoa sen. Đây thiện nam! Ông nên biết ý nghĩa bốn tâm vô lượng như vậy. Đây thiện nam! Thể tánh của tâm vô lượng này có bốn, nếu có người tu hành thì sinh cõi Đại Phạm.

Này thiện nam! Như vậy phụ thuộc vô lượng có bốn. Vậy nên gọi là bốn. Phạm tu Từ thì có thể đoạn tham dục, tu tâm Bi thì có thể đoạn sân hận, tu tâm Hỷ thì có thể đoạn sự chẳng vui, tu tâm Xả thì có thể đoạn tham dục, sân hận của chúng sinh. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên được gọi là bốn, chẳng phải là một, hai, ba. Đây thiện

nam! Như lời ông nói, Từ có thể đoạn được sân hận thì lẽ ra nên nói là ba, nay ông chẳng nên nan vấn như vậy. Vì sao? Đây thiện nam! Sân hận có hai thứ, một là đoạt mạng sống, hai là đánh đập. Tu Từ thì có thể dứt được sự đoạt mạng sống. Tu Bi thì có thể trừ sự đánh đập. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên lẽ nào chẳng phải là bốn sao? Lại nữa, sân có hai thứ, một là sân với chúng sinh, hai là sân với chẳng phải chúng sinh. Tu tâm Từ thì đoạn sân với chúng sinh, tu tâm Bi thì đoạn sân với chẳng phải chúng sinh. Lại nữa, sân có hai thứ, một là có nhân duyên, hai là không nhân duyên. Tu tâm Từ thì đoạn sân có nhân duyên, tu tâm Bi thì đoạn sân không nhân duyên. Lại nữa, sân có hai thứ, một là huân tập lâu ở đời quá khứ, hai là huân tập ở đời hiện tại. Tu tâm Từ thì có thể đoạn sân ở quá khứ, tu tâm Bi thì đoạn sân ở hiện tại. Lại nữa, sân có hai thứ, một là sân thánh nhân, hai là sân phàm phu. Tu tâm Từ thì đoạn sân thánh nhân, tu tâm Bi thì đoạn sân phàm phu. Lại nữa, sân có hai thứ, một là thượng, hai là trung. Tu tâm Từ thì đoạn sân bậc thượng, tu tâm Bi thì đoạn sân bậc trung. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên gọi là bốn, vậy thì sao đặt nạn vấn nên là ba chẳng phải là bốn? Vậy nên, này Ca-diếp! Tâm vô lượng này do tùy thuộc đối đãi nên phân biệt làm bốn. Lại do căn khí nên gọi là bốn. Căn khí nếu có Từ thì chẳng được có tâm Bi, Hỷ, Xả. Do nghĩa này nên có đủ bốn, không giảm. Đây thiện nam! Do hành phân biệt nên có bốn. Nếu khi hành Từ thì không Bi, Hỷ, Xả. Vậy nên có bốn. Đây thiện nam! Do vô lượng nên cũng được gọi là bốn. Nói vô lượng thì có bốn thứ là có tâm vô lượng có duyên chẳng phải tự tại, có tâm vô lượng tự tại chẳng phải duyên, có tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại, có tâm vô lượng chẳng phải tự tại. Thế nào là vô lượng có duyên chẳng phải tự tại? Duyên với vô lượng vô biên chúng sinh mà chẳng thể được Tam-muội Tự tại. Tuy được nhưng bất định hoặc được hoặc mất. Thế nào là vô lượng tự tại chẳng phải duyên? Như duyên với cha mẹ, anh em, chị em mà muốn khiến cho họ an lạc thì chẳng phải vô lượng duyên. Thế nào là vô lượng cũng duyên cũng tự tại? Đó là chư Phật Bồ-tát. Thế nào là vô lượng chẳng phải duyên chẳng phải tự tại? Hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể duyên rộng rãi với vô lượng



chúng sinh, cũng chẳng phải tự tại. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên gọi là bốn vô lượng. Đây là cảnh giới của các Đức Phật Như Lai, chẳng phải là điều hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Đây thiện nam! Bốn việc như vậy, Thanh văn, Duyên giác tuy gọi là vô lượng nhưng ít chẳng đáng kể. Các Đức Phật Bồ-tát mới được gọi là vô lượng vô biên.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Thật đúng như lời dạy của đức Thánh. Cảnh giới của các Đức Phật Như Lai chẳng phải là chỗ mà Thanh văn, Duyên giác bì kịp. Thưa Thế Tôn! Có phải có Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa được tâm từ bi mà chẳng phải là tâm đại từ, đại bi chăng?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Có Bồ-tát đối với những chúng sinh phân biệt ba phẩm: một là người thân, hai là oán ghét, ba là người bậc giữa. Đối với người thân lại chia làm ba bậc là thượng, trung, hạ; đối với oán ghét cũng vậy. Đại Bồ-tát này đối với người thân bậc thượng thì ban cho niềm vui bậc nhất, đối với bậc trung, hạ thì cũng bình đẳng ban cho niềm vui bậc nhất. Đối với người oán bậc thượng thì cho ít phần vui, đối với người oán bậc trung thì ban cho niềm vui bậc trung, đối với người oán bậc hạ thì ban niềm vui bậc nhất. Bồ-tát tu tập tăng thêm như vậy, đối với người oán bậc thượng thì ban cho niềm vui bậc trung; đối với kẻ oán ghét bậc trung và bậc hạ đều ban cho niềm vui bậc nhất, tu tập thêm nữa, đối với kẻ oán ghét bậc thượng, trung, hạ bình đẳng ban cho cho niềm vui bậc thượng. Nếu đối với người oán bậc thượng mà cho niềm vui bậc nhất thì bấy giờ được gọi là tâm Từ thành tựu. Bấy giờ, Bồ-tát đối với cha mẹ và người oán bậc thượng được tâm bình đẳng, không có sai biệt. Đây thiện nam! Đó gọi là được Từ chẳng phải đại Từ.

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì Bồ-tát được từ như vậy mà còn chẳng được gọi là Đại Từ?

–Đây thiện nam! Do khó thành nên chẳng gọi là Đại Từ. Vì sao? Vì lâu rồi, ở trong vô lượng kiếp đời quá khứ đã gom nhiều

phiền não, chưa tu tập pháp thiện. Vậy nên chẳng thể ở trong một ngày mà điều phục được tâm ấy. Nay thiện nam! Ví như khi hạt đậu khô thì dùi đâm nhất định chẳng thể được. Phiền não cứng chắc cũng như vậy, tuy trọn ngày đêm buộc tâm chẳng tán loạn, nhưng khó có thể điều phục. Lại như chó nhà chẳng sợ người, nai hoang ở núi rừng thấy người sợ chạy. Sân hận khó đuổi như chó giữ nhà, tâm Từ dễ mất như loài nai hoang. Vậy nên tâm này khó có thể điều phục. Do nghĩa này nên chẳng gọi là Đại Từ. Lại nữa, nay thiện nam! Ví như vẽ lên đá thì hoa văn thường còn, vẽ lên nước thì mau diệt mất, chẳng trụ lâu. Sân như vẽ trên đá, các căn bản thiện như vẽ vào nước. Vậy nên tâm này khó điều phục được. Như đám lửa lớn thì ánh sáng ấy lâu tàn, ánh sáng của ánh chớp thì thoáng chốc. Sân như đám lửa, Từ như ánh chớp. Vậy nên tâm này khó điều phục được. Do nghĩa này nên chẳng gọi là Đại Từ. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở sơ địa gọi là Đại Từ. Vì sao? Nay thiện nam! Người tối cực ác là Nhất-xiển-đề. Khi Bồ-tát mới trụ sơ địa tu Đại Từ thì đối với Nhất-xiển-đề tâm không phân biệt, chẳng thấy lỗi của họ nên chẳng sinh ra sân. Do nghĩa này nên được gọi là Đại Từ. Nay thiện nam! Vì các chúng sinh mà trừ bỏ không lợi ích thì gọi là Đại Từ. Muốn ban cho chúng sinh vô lượng lợi lạc thì gọi là Đại Bi. Đối với chúng sinh, tâm sinh hoan hỷ thì gọi là Đại Hỷ. Không thấy có sự hộ trì thì gọi là Đại Xả. Nếu chẳng thấy tướng ngã, pháp và thân mình mà thấy tất cả pháp bình đẳng không hai thì gọi là Đại Xả. Tự bỏ niềm vui của mình, ban cho người khác thì gọi là Đại Xả. Nay thiện nam! Chỉ có bốn tâm vô lượng có thể khiến cho Bồ-tát tăng trưởng đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, còn các hạnh khác nhất định chẳng thể làm được. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát trước được bốn tâm vô lượng của thế gian, rồi sau đó mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, theo thứ lớp mới được ra khỏi thế gian. Nay thiện nam! Nhân vô lượng của thế gian mà được vô lượng của xuất thế gian. Do nghĩa này nên gọi là đại vô lượng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trừ bỏ sự không lợi ích, ban cho lợi lạc thì thật ra không có tác dụng gì. Suy nghĩ như vậy tức là quan sát rỗng

không, không có thật lợi ích. Thưa Thế Tôn! Ví như khi Tỳ-kheo quán bất tịnh thấy áo mình mặc đều là tướng da mà thật chẳng phải da, cái có thể ăn uống đều thành ra tướng trùng mà thật chẳng phải là trùng, quán bát canh đậu khởi tướng nước bắn mà thật chẳng phải bắn, quán món ăn sữa đặc giống như não tủy mà thật chẳng phải não tủy, quán xương nát vụn giống như bột gạo mà thật chẳng phải bột gạo. Bốn tâm vô lượng cũng như vậy, chẳng thể chân thật lợi ích chúng sinh, khiến cho họ được vui. Tuy miệng nói rằng, cho chúng sinh niềm vui nhưng thật ra chẳng được. Quán như vậy chẳng phải là hư vọng sao? Thưa Thế Tôn! Nếu chẳng phải hư vọng mà thật sự ban cho niềm vui thì những chúng sinh kia vì sao chẳng do sức uy đức của chư Phật, Bồ-tát mà được hưởng an vui? Nếu quả thật chẳng được vui thì như lời Đức Phật dạy: Ta nhớ thuở xưa, chỉ tu tâm Từ, trải qua bảy lần thành, hoại của kiếp này, Ta chẳng sinh đến đây. Khi thế giới thành thì sinh trong cõi trời Phạm. Khi thế giới hoại thì sinh lên cõi trời Quang Âm. Khi sinh lên cõi trời Phạm thì thế lực tự tại không ai có thể hàng phục, ở trong hàng ngàn vị Phạm thiên Ta là bậc tối thắng tối thượng, gọi là vua trời Đại Phạm. Có những chúng sinh đối với Ta tưởng là bậc tối thượng. Ta có ba mươi sáu lần làm Thích-đề-hoàn-nhân, vua cõi trời Đao-lợi, có vô lượng trăm ngàn lần làm vua Chuyển luân. Ta chỉ tu tâm Từ mà được quả báo của hàng trời, người như vậy. Nếu chẳng thật thì sao được cùng nghĩa này tương ứng!

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ông quả thật dũng mãnh không gì kinh sợ!

Đức Phật vì Bồ-tát Ca-diếp mà nói kệ:

*Đối với một chúng sinh  
 Chẳng sinh lòng sân hận  
 Nguyện cho họ an vui  
 Đó gọi là tâm Từ.  
 Đối tất cả chúng sinh  
 Nếu khởi lên tâm Bi*

*Gọi là chủng tánh thánh  
Được phước báo không lường.  
Giả sử tiên ngũ thông  
Đều đầy đủ đại địa  
Có chúa Đại Tự Tại  
Cung cấp đủ vật dụng  
Voi, ngựa đủ các vật  
Quả phước báo đạt được  
Chẳng bằng phần mười sáu  
Của việc tu tâm Từ.*

Này thiện nam! Phàm người tu Từ chân thật chẳng phải vọng tưởng thì chắc chắn là chân thật. Nếu lòng Từ của Thanh văn, Duyên giác thì đó gọi là hư vọng. Tâm Từ của chư Phật, Bồ-tát thì chân thật không hư vọng. Vì sao biết được chẳng hư vọng? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn như vậy thì quán đất là vàng, quán vàng là đất, đất trở thành tướng nước, nước trở thành tướng đất, nước trở thành tướng lửa, lửa trở thành tướng nước, đất trở thành tướng gió, gió trở thành tướng đất v.v... tùy ý thành tựu, không có hư vọng. Bồ-tát ấy quán chúng sinh thật chẳng phải chúng sinh, quán chẳng phải chúng sinh là chúng sinh thật v.v... đều tự ý thành tựu, không có hư vọng. Này thiện nam! Ông phải biết bốn tâm vô lượng của Bồ-tát là tư duy chân thật, chẳng phải chẳng chân thật. Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là tư duy chân thật? Đó là có thể đoạn trừ các phiền não. Này thiện nam! Phàm người tu tâm Từ thì có thể đoạn được tham dục, tu tâm Bi thì có thể đoạn được sân hận, tu tâm Hỷ thì có thể đoạn được điều chẳng vui, tu tâm Xả thì có thể đoạn được tham dục, sân hận và tướng chúng sinh. Do vậy gọi là tư duy chân thật. Lại nữa, này thiện nam! Bốn tâm vô lượng của Đại Bồ-tát có thể làm căn bản cho tất cả các thiện. Này thiện nam! Đại Bồ-tát nếu chẳng thấy được chúng sinh nghèo cùng thì không có nhân duyên phát sinh từ mà nếu chẳng sinh ra từ thì chẳng thể khởi tâm bố thí. Do nhân duyên bố thí nên khiến cho các chúng sinh được an ổn. Như là bố thí thức ăn, thức uống, xe cộ, quần áo, hương hoa, giường nằm,

nhà cửa, đèn sáng v.v... Khi bố thí như vậy lòng không ràng buộc, chẳng sinh tham đắm mà quyết định hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâm ấy, bấy giờ không nương vào đâu, vọng tưởng đoạn diệt vĩnh viễn, không bị sợ hãi, chẳng mong danh xưng, lợi dưỡng, chẳng cầu hưởng thụ hoan lạc của trời, người, chẳng sinh kiêu mạn, chẳng mong đền đáp, chẳng lừa dối người khác, cho nên hành bố thí, chẳng cầu giàu sang. Phàm khi làm bố thí, chẳng thấy người nhận là trì giới hay phá giới, là ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước, là tri thức hay chẳng phải tri thức. Khi thí chẳng thấy là pháp khí hay chẳng phải pháp khí, chẳng chọn lựa ngày giờ, là chỗ hay chẳng phải chỗ, cũng lại chẳng kể là đói kém hay giàu có an vui, chẳng thấy nhân quả, là chúng sinh hay chẳng phải là chúng sinh, là phước hay chẳng phải là phước. Tuy lại chẳng thấy người bố thí, người thọ thí và cả tài vật bố thí cho đến chẳng thấy đoạn dứt và quả báo nhưng mà thường làm bố thí, không có đoạn tuyệt.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu còn thấy trì giới, phá giới cho đến quả báo thì nhất định chẳng thể bố thí. Mà nếu chẳng bố thí thì chẳng đầy đủ Thí Ba-la-mật. Nếu chẳng đầy đủ Thí Ba-la-mật thì chẳng thể thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Ví như có người, thân bị tên độc, quyến thuộc của người ấy vì muốn trừ độc cho người ấy được yên ổn nên mời lương y nhỏ mũi tên độc ra. Người ấy nói: “Hãy khoan chớ đụng vào. Ta nay phải quan sát mũi tên độc như vậy từ phương nào đến? Ai đã bắn nó? Là Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá hay Thủ-đà? Lại nghĩ xem cây tên bằng gỗ gì? Bằng tre hay bằng liễu? Sắc bọc đầu mũi tên ấy làm ở chỗ nào? Cứng hay mềm? Lông của tên ấy là lông cánh của loài chim nào? Là của quạ hay của chim ưng? Chất độc có ở mũi tên là do làm ra hay tự nhiên mà có? Là độc của con người hay là độc của rắn? Như vậy người ngu si kia chưa có thể biết hết những điều ấy thì đã mạng chung. Này thiện nam! Bồ-tát cũng vậy, nếu khi làm bố thí mà phân biệt người thọ thí trì giới hay phá giới cho đến quả báo thì nhất định chẳng có thể bố thí. Nếu chẳng thể bố thí thì chẳng đầy đủ Thí Ba-la-mật. Nếu chẳng đủ Thí Ba-la-mật thì chẳng thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát khi làm bố thí, đối với các chúng sinh thì tâm Từ bình đẳng, tưởng giống như con. Lại khi hành thí Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi lòng Từ Bi ví như cha mẹ nhìn con bị bệnh. Khi làm bố thí lòng Bồ-tát vui mừng giống như cha mẹ thấy con khỏi bệnh. Sau khi đã bố thí, lòng Bồ-tát buông bỏ giống như cha mẹ thấy con khôn lớn có thể tự sinh sống. Đại Bồ-tát này, ở trong lòng Từ, khi bố thí thức ăn thường phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên nên khiến cho các chúng sinh được thức ăn đại trí, siêng năng tinh tấn, hồi hướng về Đại thừa Vô thượng. Nguyện các chúng sinh được món ăn thiện trí, chẳng cầu món ăn Thanh văn, Duyên giác. Nguyện cho chúng sinh được thức ăn pháp hỷ, chẳng cầu món ăn về ái dục. Nguyện cho các chúng sinh đều được món ăn Bát nhã Ba-la-mật, đều khiến cho họ đầy đủ, thu giữ vô ngại thêm lớn thiện căn. Nguyện cho các chúng sinh hiểu về tướng “không”, được thân vô ngại giống như hư không. Nguyện cho các chúng sinh thường làm người thọ nhận, thương xót tất cả, làm ruộng phước của mọi người”. Này thiện nam! Đại Bồ-tát khi tu tâm Từ, phàm bố thí thức ăn cần phải phát nguyện kiên cố như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí nước uống thì nên phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này nên khiến cho các chúng sinh đi theo dòng sông Đại thừa, uống nước tám vị, mau chóng đi trên con đường Bồ-đề vô thượng, lìa khỏi dòng khô cạn Thanh văn, Duyên giác, chí khát ngưỡng Phật thừa vô thượng, đoạn dứt phiền não, khát ngưỡng pháp vị, lìa khỏi ái dục sinh tử, yêu thích Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, đầy đủ pháp thân, được các Tam-muội, vào biển cả trí tuệ thâm sâu. Nguyện cho các chúng sinh được vị cam lồ Bồ-đề xuất thế, lìa các vị dục, được tịch tĩnh. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ vô lượng trăm ngàn pháp vị. Đủ pháp vị rồi thì thấy được Phật tánh. Thấy Phật tánh rồi thì có thể rưới mưa pháp xuống. Rưới mưa pháp rồi thì Phật tánh che phủ cùng khắp giống như hư không. Lại khiến cho vô lượng chúng sinh được pháp vị duy nhất, đó là Đại Thừa, chẳng phải pháp vị của các Thanh văn, Phật-bích-chi. Nguyện cho các chúng sinh được một vị cam lồ,

không có sáu thứ vị sai khác. Nguyên cho các chúng sinh chỉ cầu pháp vị, vị sở hành vô ngại của pháp Phật, chẳng cầu những vị khác”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí nước uống cần phải phát nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí xe cộ thì cần phải phát nguyện: “Của bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này nên khiến cho khắp cả chúng sinh thành tựu Đại thừa, được trụ ở Đại thừa, là thừa chẳng thoái chuyển, thừa chẳng động chuyển, thừa kim cương tòa, chẳng cầu Thanh văn, Phật-bích-chi thừa, mà hướng về Phật thừa, là thừa không thể phục, thừa không thiếu thốn, thừa chẳng thoái mất, thừa vô thượng, thừa mười lực, thừa đại công đức, thừa chưa từng có, thừa hy hữu, thừa khó được, thừa vô biên, thừa biết tất cả”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí xe cộ cần phải phát nguyện kiên cố như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí áo phải phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh được áo hỏ thẹn, pháp giới che thân, xé rách áo các kiến, quần áo cách thân một thước sáu tấc, được thân kim sắc, thọ nhận những chạm xúc êm dịu không ngăn ngại, màu sáng tươi nhuận, da dẻ mịn màng, ánh sáng vô lượng không sắc lìa sắc. Nguyên cho các chúng sinh đều khắp được thân không sắc vượt qua tất cả sắc, được vào Đại Bát Niết Bàn vô sắc”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát khi bố thí áo cần phải phát nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong sự tu tâm Từ, khi bố thí hương hoa, hương xoa, hương bột, các hương tạp thì cần phải phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh, tất cả đều được vòng hoa đẹp thất giác của Phật cài trên đầu. Nguyên cho các chúng sinh thân hình như vầng trăng tròn đầy, nhìn thấy những màu sắc vi diệu đệ nhất. Nguyên cho các chúng sinh đều thành một tướng, trăm phước trang nghiêm. Nguyên cho các chúng sinh tùy ý được thấy sắc màu vừa ý. Nguyên cho các chúng sinh thường gặp bạn lành, được hương thơm vô ngại, lìa khỏi những mùi xú uế.

Nguyện cho các chúng sinh đủ các căn lành, châu báu vô lượng. Nguyện cho các chúng sinh cùng nhau vui hòa, không có ưu khổ, đầy đủ điều lành, chẳng còn lo nghĩ. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ hương giới. Nguyện cho các chúng sinh giữ giới vô ngại, hơi thơm ngào ngạt tràn đầy mười phương. Nguyện cho các chúng sinh được giới bền chắc, giới vô hối, giới Nhất thiết trí, lìa khỏi những sự phá giới, được giới không, giới chưa từng có, giới vô sự, giới vô tác, giới không cấu uế, giới không nhiễm ô, giới đã hoàn thành, giới rốt ráo, giới bình đẳng. Đối với việc xoa hương vào thân và việc dùng dao chém thân đều bình đẳng không có thương hay ghét. Nguyện cho các chúng sinh được giới vô thượng, giới Đại thừa, giới chẳng phải Tiểu thừa. Nguyện cho các chúng sinh đều được đầy đủ Giới Ba-la-mật giống như sự thành tựu giới của chư Phật. Nguyện cho các chúng sinh đều được sự huân tập tu hành của bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Nguyện cho các chúng sinh đều được thành tựu hoa sen vi diệu Đại Bát Niết Bàn, hơi thơm của hoa ấy tràn ngập mười phương. Nguyện cho các chúng sinh thuần ăn món ăn hương thơm ngon vô thượng Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, giống như loài ong hút hoa chỉ lấy vị hương thơm. Nguyện cho các chúng sinh đều được thành tựu tám thân huân tập vô lượng công đức”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí hương hoa v.v... thường phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí giường nằm nên phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh được giường nằm của đấng Thiên Trung Thiên, được trí tuệ lớn, ngồi chỗ Tứ thiền, nằm giường nằm của Bồ-tát, chẳng nằm giường của Thanh văn, Phật-bích-chi, lìa khỏi giường nằm ác. Nguyện cho các chúng sinh được nằm giường an lạc, lìa khỏi giường sinh tử, thành tựu giường nằm sư tử Đại Niết-bàn. Nguyện cho các chúng sinh ngồi ở những giường này rồi lại vì vô lượng chúng sinh còn lại thị hiện thân thông sư tử du hý. Nguyện cho các chúng sinh trụ ở trong cung điện lớn Đại thừa này vì các chúng sinh diển nói Phật tánh. Nguyện cho các chúng sinh ngồi trên giường vô thượng, chẳng



bị sự hàng phục của pháp thế gian. Nguyên cho các chúng sinh được giường nhãn nhục, lìa khỏi sinh tử thiếu thốn đói rét. Nguyên cho các chúng sinh được giường vô úy, lìa khỏi vĩnh viễn tất cả oán tặc phiền não. Nguyên cho các chúng sinh được giường thanh tịnh, chuyên cầu đạo Chánh chân vô thượng. Nguyên cho các chúng sinh được giường pháp thiện, thường được sự ủng hộ của bạn lành. Nguyên cho các chúng sinh được giường nằm nghiêng hông phải, y theo pháp sở hành của chư Phật”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm từ, khi bố thí giường nằm cần phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí nhà cửa thì phải phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh ở nhà Đại thừa, tu hành hạnh của bạn lành đã hành, tu hạnh đại bi, hạnh sáu pháp Ba-la-mật, hạnh đại chánh giác, tất cả đạo hạnh của Bồ-tát đã làm, hạnh rộng lớn vô biên như hư không. Nguyên cho các chúng sinh đều được chánh niệm, xa lìa niệm ác. Nguyên cho các chúng sinh đều được an trụ thường, lạc, ngã, tịnh, vĩnh viễn lìa khỏi bốn điên đảo. Nguyên cho các chúng sinh đều thọ trì văn tự xuất thế. Nguyên cho các chúng sinh nhất định làm khí cụ của Nhất thiết trí Vô thượng. Nguyên cho các chúng sinh đều được vào nhà cam lồ. Nguyên cho các chúng sinh tâm ban đầu, tâm ở đoạn giữa, tâm sau cùng thường vào nhà Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Nguyên cho các chúng sinh vào đời vị lai là thường ở cung điện của Bồ-tát ở”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí nhà cửa thường phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí đèn sáng thì phải phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh có ánh sáng nhiều không lường, an trụ ở pháp Phật. Nguyên cho các chúng sinh thường được soi sáng. Nguyên cho các chúng sinh được sắc thân vi diệu tươi sáng đệ nhất. Nguyên cho các chúng sinh được mắt thanh tịnh, không có các màn ngăn che. Nguyên cho các chúng sinh được đước đại trí, khéo hiểu tướng vô ngã, vô chúng sinh,

vô nhân, vô thọ mạng. Nguyên cho các chúng sinh đều được nhìn thấy Phật tánh thanh tịnh, giống như hư không. Nguyên cho các chúng sinh được nhục nhãn thanh tịnh nhìn suốt hằng hà sa số thế giới trong mười phương. Nguyên cho các chúng sinh được ánh sáng Phật, soi khắp mười phương. Nguyên cho các chúng sinh được mắt vô ngại, đều được thấy Phật tánh thanh tịnh. Nguyên cho các chúng sinh được ánh sáng đại trí phá tan tất cả tối tăm và Nhất-xiển-đề. Nguyên cho các chúng sinh được ánh sáng vô lượng, soi khắp vô lượng thế giới của chư Phật. Nguyên cho các chúng sinh thấp ngọn đèn Đại thừa, lia khỏi đèn Nhị thừa. Nguyên cho các chúng sinh có ánh sáng diệt tan tất cả tối vô minh, hơn cả ngàn mặt trời đồng thời chiếu soi. Nguyên cho các chúng sinh được ánh sáng lớn diệt hết tối tăm của ba ngàn đại thiên thế giới. Nguyên cho các chúng sinh đầy đủ ngũ nhãn, giác ngộ các pháp tướng, thành tựu sự giác ngộ vô sư. Nguyên cho các chúng sinh không thấy vô minh. Nguyên cho các chúng sinh đều được ánh sáng vi diệu của Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, thị hiện giác ngộ Phật tánh chân thật của chúng sinh”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí đèn sáng phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Nay thiện nam! Tất cả thiện căn của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, các Đức Phật Như Lai đều lấy Từ làm căn bản. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập tâm Từ như vậy có thể sinh ra vô lượng căn lành. Đó là quán bất tịnh, thở ra, hít vào, vô thường, sinh diệt, bốn niệm xứ, bảy phương tiện, ba chỗ quán, mười hai nhân duyên, vô ngã v.v... quán pháp Noãn, pháp Đảnh, pháp Nhẫn, pháp Thế đệ nhất, thấy đạo, tu đạo, chánh cần, như ý túc, các căn, các lực, bảy Bồ-đề phần, tám thánh đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười nhất thiết nhập, không, vô tướng, vô nguyện, Tam-muội Vô tránh, trí biết tâm người khác và các thần thông, trí biết bản thể, trí Thanh văn, trí Duyên giác, trí Bồ-tát, trí Phật. Nay thiện nam! Những pháp như vậy Từ là căn bản. Nay thiện nam! Do nghĩa này nên Từ là chân thật, chẳng phải là hư dối. Nếu có người hỏi, cái gì là căn bản của tất cả các căn lành thì phải nói, chính là Từ. Do nghĩa này nên Từ là chân thật, chẳng phải là hư dối.

Này thiện nam! Có thể làm thiện thì gọi là tư duy thật. Tư duy thật tức là Từ. Từ tức là Như Lai. Từ tức là Đại thừa. Đại thừa tức là Từ, mà Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là đạo Bồ-đề, đạo Bồ-đề tức là Như Lai, Như Lai tức là Từ. Này thiện nam! Từ tức là Đại Phạm, Đại Phạm tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ thì có thể vì tất cả chúng sinh mà làm cha mẹ. Cha mẹ tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ chính là cảnh giới của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới chư Phật chẳng thể nghĩ bàn tức là Từ. Ông phải biết, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là Phật tánh của chúng sinh. Như vậy Phật tánh bị sự che phủ của phiền não từ lâu nên khiến cho chúng sinh chẳng được nhìn thấy. Phật tánh tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là đại không, đại không tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là hư không, hư không tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là Thường, Thường tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là lạc, lạc tức là pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là tịnh, tịnh tức là pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là ngã, ngã tức là pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là cam lồ, cam lồ tức là Từ, Từ tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là đạo vô thượng của tất cả Bồ-tát, mà đạo tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là cảnh giới không lường của chư Phật Thế Tôn. Cảnh giới không lường tức là Từ. Ông phải biết Từ tức là Như Lai.

Này thiện nam! Từ nếu là vô thường, vô thường tức là Từ, thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu là khổ, khổ tức là Từ, thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu là bất tịnh, bất tịnh tức là Từ, thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu là vô ngã, vô ngã tức là Từ, thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu là vọng tưởng, vọng tưởng tức là Từ, thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu chẳng gọi là Thí Ba-la-mật

mà Từ chẳng phải Thí Ba-la-mật thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn cho đến Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Nay thiện nam! Từ nếu chẳng thể đem lại lợi ích cho chúng sinh thì Từ như vậy là Từ của Thanh văn. Nay thiện nam! Từ nếu chẳng vào đạo Nhất tướng thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Nay thiện nam! Từ nếu chẳng hiểu rõ các pháp thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Nay thiện nam! Từ nếu chẳng thể thấy tánh của Như Lai thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Nay thiện nam! Từ nếu thấy pháp đều là hữu tướng thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Nay thiện nam! Từ nếu là hữu lậu mà hữu lậu là Từ thì tức là Từ của Thanh văn. Nay thiện nam! Từ nếu là hữu vi thì Từ hữu vi là Từ của Thanh văn. Nay thiện nam! Từ nếu chẳng phải trụ ở sơ trụ, chẳng phải Từ sơ trụ thì phải biết là Từ của Thanh văn. Nay thiện nam! Từ nếu chẳng thể được Mười lực Phật, Bốn vô sở úy thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Nay thiện nam! Từ có thể được bốn quả Sa-môn thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Nay thiện nam! Từ nếu là có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thì Từ như vậy chẳng phải là việc có thể nghĩ bàn của các Thanh văn, Phật-bích-chi. Nay thiện nam! Từ nếu chẳng thể nghĩ bàn thì pháp chẳng thể nghĩ bàn, Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Nay thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa tu Từ như vậy, tuy lại an trụ ở trong ngủ nghỉ mà chẳng ngủ nghỉ, siêng năng tinh tấn, tuy thường tỉnh thức mà cũng không tỉnh thức vì không ngủ. Ở trong ngủ nghỉ chư Thiên tuy hộ vệ nhưng cũng không hộ vệ vì chẳng làm ác, ngủ chẳng ác mộng, không có việc chẳng lành, vì lìa ngủ nghỉ, sau khi mạng chung tuy sinh lên cõi trời Phạm, cũng không có chỗ sinh vì được tự tại. Nay thiện nam! Phạm tu Từ thì có thể được thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Nay thiện nam! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Chư Phật Như Lai cũng được thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những tư duy của Đại Bồ-tát đều là chân thật, còn của Thanh văn, Duyên giác chẳng phải là chân thật, thì tất cả chúng sinh vì sao chẳng do uy lực của Bồ-tát mà đều hưởng an lạc? Nếu các chúng sinh thật chẳng được vui thì phải biết việc tu tâm Từ của Bồ-tát là không lợi ích.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Từ của Bồ-tát chẳng phải chẳng lợi ích. Này thiện nam! Có những chúng sinh hoặc nhất định thọ khổ, hoặc có chúng sinh chẳng thọ. Nếu có chúng sinh nhất định thọ khổ thì Từ của Bồ-tát là không lợi ích như là Nhất-xiển-đề. Nếu có thọ khổ nhưng chẳng nhất định thì Từ của Bồ-tát là lợi ích, khiến cho chúng sinh đó đều hưởng an lạc. Này thiện nam! Ví như có người từ xa thấy sư tử, hổ báo, sài lang, quỷ La-sát v.v... tự nhiên sinh ra sợ, đi đêm thấy gốc cây cũng sinh ra kinh sợ. Này thiện nam! Như những người tự nhiên sinh sợ này, chúng sinh thấy người tu Từ như vậy thì tự nhiên sinh ra vui. Này thiện nam! Do nghĩa này nên Bồ-tát tu Từ là thật tư duy, chẳng phải không lợi ích.

Này thiện nam! Ta nói Từ này có vô lượng môn, đó là những thần thông. Này thiện nam! Như Đề-bà-đạt-đa xúi vua A-xà-thế hại Như Lai. Lúc đó, Ta vào đại thành Vương-xá, theo thứ lớp đi khất thực, vua A-xà-thế liền thả con voi điên Hộ Tài ra, muốn cho nó hại Ta và các đệ tử. Con voi ấy bấy giờ đã đập giết vô lượng trăm ngàn chúng sinh mà chúng sinh chết rồi mùi máu xông lên nên con voi này đã ngửi phải thì cuồng say gấp bội lúc thường. Nó thấy Ta và tùy tùng mặc quần áo màu đỏ nên cho là máu nên nhắm lao vào. Trong số đệ tử của Ta người chưa lìa dục sợ hãi chạy tứ tán, chỉ trừ có A-nan. Bấy giờ, trong thành Vương-xá, tất cả muôn dân đồng thời cất tiếng kêu gào khóc lóc, nói: “Quái thay! Hôm nay Đức Như Lai chắc chết mất, sao mà đấng Chánh Giác vội vã bị hoại diệt?”. Khi đó, ông Điều-đạt, lòng sinh vui mừng nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm diệt mất, rất hay! Từ nay về sau thật sự là biến mất! Sướng thay! Đây kể như nguyện của ta đã được thỏa”. Này thiện nam! Bấy giờ, Ta vì muốn hàng phục con voi Hộ Tài nên liền nhập vào định Từ, duỗi tay chỉ về phía voi thì liền ở năm ngón tay hiện ra năm con sư tử. Con

voi này thấy rồi, lòng nó rất kinh sợ, toàn thân mọp xuống đất, lễ kính dưới chân Ta. Này thiện nam! Lúc này, năm đầu ngón tay Ta thật không có sự tử mà chính là lực thiện căn của sự tu Từ nên khiến cho con voi đó được điều phục. Lại nữa, này thiện nam! Khi Ta muốn vào Niết-bàn, bắt đầu cất bước hướng về thành Câu-thi-na. Trên con đường Ta đi, có năm trăm Lực sĩ đang sửa sang bằng phẳng, quét dọn sạch sẽ, nhưng giữa đường có một tảng đá, mọi người muốn nhắc bỏ, đem hết sức mà chẳng thể được. Ta thương xót liền khởi tâm Từ. Các Lực sĩ đó liền thấy Ta dùng ngón chân cái hất tung tảng đá lớn này lên hư không, rồi lại dùng tay tiếp lấy đặt yên vào bàn tay phải, thổi một cái khiến cho viên đá tan nát, rồi lại tụ hợp trở lại, khiến cho lòng cao ngạo của các Lực sĩ đó dứt ngay. Ta liền vì họ lược nói đủ thứ pháp chính yếu, khiến cho họ đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Bấy giờ, Như Lai thật chẳng dùng ngón chân hất tung viên đá lớn này lên trong hư không và đặt trở lại vào bàn tay phải, thổi khiến cho tan nát, lại hợp lại như cũ. Này thiện nam! Ông phải biết, đó là lực thiện căn của Từ khiến cho các Lực sĩ thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Tại Nam Thiên Trúc này có một ngôi thành lớn tên là Thủ-ba-la, ở trong thành đó có một ông trưởng giả tên là Lô-chí làm chủ dẫn đường mọi người, đã ở chỗ vô lượng Phật đời quá khứ, gieo trồng các gốc thiện. Này thiện nam! Tất cả dân chúng trong thành lớn đó tin phục tà đạo, phụng thờ phái Ni-kiền. Khi ấy, Ta muốn độ ông trưởng giả đó nên từ thành Vương-xá đi đến thành ấp kia, khoảng cách giữa hai thành là sáu mươi lăm do-tuần. Ta đi bộ đến vì muốn hóa độ những người ở đó. Những người Ni-kiền kia nghe Ta sắp đến thành Thủ-ba-la liền nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đến đây thì dân chúng ở đây sẽ bỏ ta chẳng cung cấp. Chúng ta khốn cùng, nhờ vào đâu mà tự sống? Phái Ni-kiền đều phân tán đi khắp nơi bảo người trong thành đó: “Sa-môn Cù-đàm nay sắp đến đây, ông Sa-môn đó bỏ bê cha mẹ, giông ruổi đó đây. Ông ta đến chỗ nào thì có thể khiến cho đất đai, lúa gạo chẳng lên nổi, muôn dân đói kém, rất nhiều người chết, tật bệnh liên miên, không thể cứu giải. Ông Cù-đàm vô lại thuần đem những quý thần La-sát ác để

làm thị tưng. Những người cô quả nghèo cùng, không cha, không mẹ đến học hỏi theo ông ấy làm môn đồ mà lời dạy bảo toàn nói về hư không. Ông ta đi đến chỗ nào thì chỗ ấy trước tiên là không có an vui”. Những người đó nghe rồi liền ôm lòng sợ hãi, đầu mặt lễ kính dưới chân Ni-kiền mà bạch: “Thưa Đại sư! Chúng con hôm nay phải bày kế gì?”. Người Ni-kiền đáp: “Tánh Sa-môn Cù-đàm ưa rừng rậm, suối chảy, nước trong. Giả sử bên ngoài có thì cần phải phá hoại. Các người nên cùng nhau ra khỏi thành, xem chỗ nào có rừng thì chặt phá hết đùng để sót lại. Dòng suối, giếng ao v.v... đều bỏ phân, thây chết, đóng chặt cửa thành, chuẩn bị binh khí, phải dựng vách phòng hộ, siêng năng cố thủ. Giả sử ông Cù-đàm kia đến thì chớ cho đi tới trước. Nếu chẳng cho đi tới trước thì các người sẽ yên ổn. Chúng ta cũng sẽ làm đủ thứ phép thuật khiến cho ông Cù-đàm kia quay trở lại đường đi khỏi”. Dân chúng nghe lời nói này rồi thì kính vâng, thi hành. Họ chặt phá cây cối, làm ô nhiễm các dòng nước, chuẩn bị binh khí, tự phòng hộ chắc chắn. Nay thiện nam! Bấy giờ, Ta đến thành đó rồi, chẳng thấy tất cả cây cối, rừng rậm, chỉ thấy mọi người trang bị binh khí, dựng vách tự thủ. Thấy việc đó rồi, Ta liền sinh lòng Từ thương xót hướng về họ thì cây cối mọc trở lại như cũ, lại sinh trưởng những cây khác nhiều chẳng thể xưng kể. Sông, ao, suối, giếng nước trong veo, tràn đầy như lưu ly xanh, mọc lên đủ thứ hoa che dày bên trên, biến vách thành ấy thành lưu ly xanh biếc, dân chúng bên trong thành đều được thấy rõ Ta và đại chúng, cửa thành tự mở ra, không ai có thể giữ được, những binh khí trang bị đều biến thành đủ thứ hoa. Trưởng giả Lô-chí làm người dẫn đầu cùng với dân chúng thành ấy theo nhau đi đến chỗ Ta. Ta liền vì họ nói đủ thứ pháp chính yếu khiến cho những người đó đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Lúc ấy Ta thật ra chẳng hóa làm đủ thứ cây cối, dòng nước trong sạch tràn đầy sông ao, biến vách thành ấy làm lưu ly xanh biếc khiến cho muôn dân trong đó thấy rõ Ta, mở cửa thành ấy, binh khí thành hoa. Nay thiện nam! Ông phải biết, đều là sức thiện căn của Từ có thể khiến cho những người ở đó thấy được việc như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam! Trong thành Xá-vệ có người nữ Bà-la-

môn tên là Bà-tư-tra chỉ có một đứa con hết mực yêu thương nhưng gặp bệnh nặng mạng chung. Bấy giờ, người đàn bà sầu não nhập tâm, cuồng loạn mất tính, khỏa thân không thẹn, đi đến ngã tư đường gào khóc thất thanh: “Con ơi! Con đi chỗ nào?”. Đi cùng khắp thành ấp mà không biết mệt mỏi. Người đàn bà này đã ở chỗ các Đức Phật trước gieo trồng các gốc đức. Đây thiện nam! Ta đối với người đàn bà này khởi lòng từ bi. Lúc đó người đàn bà liền được thấy Ta, tưởng là con mình, tâm trí tỉnh lại chạy tới trước ôm lấy thân Ta như kiểu ôm con. Ta liền bảo thị giả A-nan: “Ông hãy đem y phục cho người đàn bà này”. Đã cho y phục rồi, Ta liền vì người đàn bà đó nói đủ những pháp chính yếu. Người đàn bà này nghe pháp, vui mừng phấn khởi, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Lúc ấy Ta thật chẳng phải con của người đó, người đó chẳng phải là mẹ Ta, cũng không ôm Ta. Đây thiện nam! Ông phải biết, đó đều là sức thiện căn của Từ đã khiến cho người đàn bà đó thấy việc như vậy.

Lại nữa, đây thiện nam! Thành Ba-la-nại có người Ưu-bà-di tên là Ma-ha Tư-na-đạt-đa, ở đời quá khứ đã ở chỗ vô lượng chư Phật gieo trồng các căn lành. Vị Ưu-bà-di này, trong chín mươi ngày mùa hạ, thỉnh mời chúng Tăng phụng thí thuốc men chữa bệnh. Lúc đó, trong chúng có một vị Tỳ-kheo mắc bệnh nặng, lương y xem bệnh thấy cần phải dùng thuốc có thịt. Nếu có được thịt thì bệnh có thể khỏi, nếu chẳng có được thịt thì tánh mạng chẳng toàn. Người Ưu-bà-di nghe thầy thuốc nói liền mang vàng đến khắp các chợ, xướng lên: “Ai có thịt bán, ta dùng vàng để mua. Nếu ai có thịt thì giá sẽ ngang bằng vàng”. Đi cùng khắp chợ trong thành mà tìm mua chẳng được, người Ưu-bà-di này liền tự lấy dao cắt thịt vế của mình nấu thành canh cho vào đủ thứ hương liệu, đưa đến cho vị Tỳ-kheo bị bệnh. Vị Tỳ-kheo dùng rồi liền khỏi bệnh. Vị Ưu-bà-di bị vết thương khổ não chẳng thể chịu đựng nổi liền lên tiếng: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà”. Lúc ấy, Ta ở tại thành Xá-vệ, nghe âm thanh ấy, đối với người Ưu-bà-di này khởi lên lòng đại từ. Người này liền thấy Ta đem lương dược xoa lên vết thương ấy, vết thương trở lại lành như cũ. Ta liền vì người ấy nói đủ thứ pháp. Nghe pháp rồi người ấy vui



mừng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Lúc ấy Ta thật sự chẳng đi đến thành Ba-la-nại, chẳng đem thuốc thoa vết thương của người Ưu-bà-di này. Nay thiện nam! Ông phải biết, đó đều là sức thiện căn của Từ khiến cho người Ưu-bà-di đó thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Người ác Điều-đạt chẳng biết đủ, uống nhiều váng sữa nên đau đầu, đầy bụng, chịu khổ não lớn, chẳng thể chịu đựng nổi nên phát lên lời như vậy: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà”. Ta khi ấy trụ tại thành Ưu-thiên-ni, nghe âm thanh ấy liền sinh tâm Từ. Bấy giờ, Điều-đạt liền thấy Ta đi đến chỗ đó, tay xoa đầu, bụng, trao cho nước muối mà bảo uống, uống rồi thì bình phục. Nay thiện nam! Ta thật ra chẳng đi đến chỗ ông Điều-đạt xoa đầu, bụng, trao thuốc thang bảo uống. Nay thiện nam! Ông phải biết, đó đều là sức thiện căn của Từ khiến cho Điều-đạt thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Nước Kiêu-tát-la có những bọn giặc cướp, số đến năm trăm kết thành bè đảng, cướp bóc làm hại rất nhiều. Vua Ba-tư-nặc lo cho nạn tung hoành hung bạo của bọn ấy, sai lính theo dõi tìm bắt. Bắt được rồi, nhà vua cho móc mắt, rồi đem bỏ chúng trong rừng rậm tối tăm. Những bọn giặc này đã từng ở chỗ Phật đời trước, gieo trồng các gốc đức. Chúng đã mất mắt rồi, chịu khổ não lớn nên đều nói lên lời này: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà! Chúng con hôm nay không người cứu giúp”. Họ khóc lóc kêu gào. Lúc ấy, Ta trụ tại Tinh xá Kỳ Hoàn nghe được âm thanh ấy sinh tâm Từ, liền có luồng gió mát thổi đủ thứ hương được trong núi Hương đầy mắt các người ấy, mắt những người ấy trở lại như cũ, chẳng khác. Những kẻ giặc mở mắt ra liền thấy Như Lai đang ở trước mặt họ, vì họ nói pháp. Giặc nghe pháp rồi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Lúc ấy, Ta thật chẳng làm gió thổi đủ thứ hương được trong núi Hương và trụ ở trước những người ấy nói pháp. Nay thiện nam! Ông phải biết, đó đều là sức thiện căn của Từ khiến cho bọn giặc kia thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Thái tử Lưu Ly do ngu si nên phế bỏ cha mình tự lập làm vua, lại nhớ hiềm khích xưa, hại nhiều người họ

Thích. Ông bắt lấy một vạn hai ngàn người con gái họ Thích, dùng hình phạt cắt tai, mũi, chặt đứt tay, chân rồi xô họ xuống hầm, hào. Những người con gái, thân chịu khổ não, nói lên: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà! Chúng con hôm nay không có ai cứu giúp!”. Họ lại gào khóc. Những người con gái này đã ở chỗ Phật đời trước gieo trồng các căn lành. Lúc ấy, Ta ở trong rừng trúc, nghe được âm thanh đó, liền khởi tâm Từ. Bấy giờ, những người con gái thấy Ta đi đến thành Ca-tỳ-la, dùng nước rửa vết thương và lấy thuốc xoa vào, khổ đau liền tiêu trừ, tai, mũi, tay, chân trở lại như cũ. Ta liền vì họ lược nói pháp chính yếu, khiến cho họ đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những người con gái ấy liền xuất gia thọ giới cụ túc ở chỗ của Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo. Này thiện nam! Bấy giờ, Như Lai thật chẳng đi đến thành Ca-tỳ-la, dùng nước rửa vết thương, thoa thuốc, dứt khổ. Này thiện nam! Ông phải biết, đó đều là lực thiện căn của Từ khiến cho những người con gái đó được việc như vậy. Tâm Bi, Hỷ, Xả cũng như vậy. Này thiện nam! Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát tu tư duy Từ tức là chân thật, chẳng phải là hư dối. Này thiện nam! Phạm vô lượng thì chẳng thể nghĩ bàn, việc làm của Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn, việc làm của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn, Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng chẳng thể nghĩ bàn.

□